

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ
VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

Hà Nội – Tháng 3 năm 2017

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng theo Quyết định số 1770/QĐ - BXD ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0100106169, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2007, thay đổi lần 5 ngày 23 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CONSULTANT AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY OF CONSTRUCTION TECHNOLOGY AND EQUIPMENT. Tên viết tắt : CONINCO.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 4, phố Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Công	Chủ tịch HĐQT
Ông Hà Minh	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Hải	Ủy viên
Ông Phan Ngọc Cương	Ủy viên
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Công	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Đào	Phó Tổng Giám đốc (hết nhiệm kỳ từ tháng 01/2016)
Ông Lê Ngọc Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Ngọc Cương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hà Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Lương Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Anh	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Công
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017

Số: 210/2017/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị
và Kiểm định Xây dựng - CONINCO

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO, được lập ngày 15/03/2017, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác:

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến điểm 5.9 trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính: Công ty hiện đang ghi nhận tài sản cố định vô hình có nguyên giá ban đầu 1.150.000.000 đồng là giá trị thương hiệu nhận bàn giao từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định giá trị doanh nghiệp số 1770/QĐ-BXD ngày 22/12/2006 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO. Việc ghi nhận này có sự khác biệt so với các quy định về kế toán hiện hành.



Vũ Ngọc An

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496 -2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 15/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017

Bùi Thị Thúy

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580 -2015-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		308.321.800.693	266.748.844.946
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	44.972.923.375	38.540.204.665
1. Tiền	111		44.972.923.375	38.540.204.665
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	50.254.073.328	34.120.440.262
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		50.254.073.328	34.120.440.262
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		166.560.573.557	143.679.909.763
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	43.681.727.657	37.581.089.002
2. Trả trước cho người bán	132	5.4	9.466.169.591	5.051.839.834
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	113.923.351.587	101.046.980.927
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(510.675.278)	-
IV. Hàng tồn kho	140		45.914.570.654	49.467.483.368
1. Hàng tồn kho	141	5.7	45.914.570.654	49.467.483.368
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		619.659.779	940.806.888
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	96.493.424	366.862.939
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		523.166.355	573.943.949
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		58.919.748.232	52.880.683.547
II. Tài sản cố định	220		17.020.030.189	16.110.252.304
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	15.870.030.189	14.960.252.303
- Nguyên giá	222		45.815.749.320	42.789.719.708
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.945.719.131)	(27.829.467.405)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	1.150.000.000	1.150.000.001
- Nguyên giá	228		1.828.728.180	1.828.728.180
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(678.728.180)	(678.728.179)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.10	17.056.196.848	16.916.000.000
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		17.056.196.848	16.916.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	16.457.022.775	8.345.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		6.770.000.000	7.395.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.364.008.000	950.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.676.985.225)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.386.498.420	11.509.431.243
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	8.386.498.420	11.509.431.243
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		367.241.548.925	319.629.528.493

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		278.066.534.158	242.076.135.296
I. Nợ ngắn hạn	310		278.066.534.158	242.076.135.296
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	3.577.601.885	10.019.008.115
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	93.221.425.650	94.075.736.196
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	2.287.824.710	1.496.326.250
4. Phải trả người lao động	314		11.375.145.435	7.239.294.941
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		36.222.070.079	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	124.234.327.440	125.262.693.618
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	5.372.094.180	1.550.048.680
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	1.150.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.776.044.779	1.283.027.496
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		89.175.014.767	77.553.393.197
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	89.175.014.767	77.553.393.197
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.776.220.000	44.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.776.220.000	44.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.594.055.000	9.900.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.027.036.576	14.589.021.952
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.777.703.191	9.064.371.245
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.777.703.191	9.064.371.245
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		367.241.548.925	319.629.528.493

Người lập



Lưu Thị Mai Hiền

Kế toán trưởng



Lê Xuân Tường

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Công

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU 1	MS 2	TM 3	Năm 2016	Năm 2015
			VND 4	VND 5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	332.883.783.064	263.500.008.972
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		49.564.900	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.19	332.834.218.164	263.500.008.972
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	283.951.775.425	214.786.186.882
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		48.882.442.739	48.713.822.090
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	5.481.906.708	4.459.217.704
7. Chi phí tài chính	22	5.22	1.834.485.225	39.404.998
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>157.500.000</i>	<i>39.404.998</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.23	42.169.317.994	43.965.069.066
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		10.360.546.228	9.168.565.730
11. Thu nhập khác	31		4.734.675.242	3.611.490.584
12. Chi phí khác	32		805.894.239	258.905.541
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.24	3.928.781.003	3.352.585.043
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		14.289.327.231	12.521.150.773
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.25	2.989.231.128	2.934.386.616
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		11.300.096.103	9.586.764.157
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.26	2.386	1.997

Người lập



Lưu Thị Mai Hiên

Kế toán trưởng



Lê Xuân Tường



Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Công

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	14.289.327.231	12.521.150.773
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	3.258.501.387	2.293.073.569
- Các khoản dự phòng	03	2.187.660.503	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.474.552.743)	(4.437.961.478)
- Chi phí lãi vay	06	157.500.000	39.404.998
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	14.418.436.378	10.415.667.862
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(23.340.561.478)	(6.356.152.073)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	3.552.912.714	8.087.173.793
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	30.281.198.844	3.467.593.264
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3.393.302.338	(5.714.269.200)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(157.500.000)	(39.404.998)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.540.711.027)	(3.363.293.698)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	24.607.077.769	6.497.314.950
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.694.401.575)	(7.445.906.624)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	322.727.273	21.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(36.042.320.262)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	43.695.680.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(10.789.008.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.474.552.743	4.437.961.478
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.686.129.559)	4.666.414.592
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	(8.470.275.000)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	6.710.000.000	14.112.220.856
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.887.954.500)	(14.112.220.856)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.840.000.000)	(2.996.000.805)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.488.229.500)	(2.996.000.805)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	6.432.718.710	8.167.728.737
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	38.540.204.665	30.351.219.702
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	21.256.226
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	44.972.923.375	38.540.204.665

Năm 2015, Công ty lập lại Lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp theo hướng dẫn tại Thông tư Số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Người lập

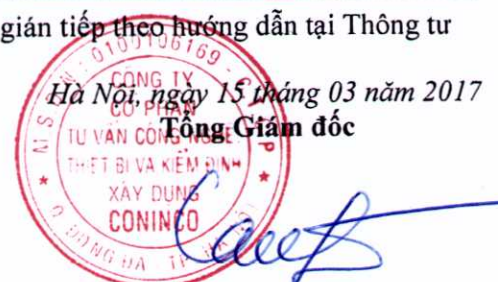


Lưu Thị Mai Hiền

Kế toán trưởng



Lê Xuân Tường



Nguyễn Văn Công

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Công nghệ Thiết bị và Kiểm định Xây dựng theo Quyết định số 1770/QĐ - BXD ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106169, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2007, thay đổi lần 5 ngày 23 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CONSULTANT AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY OF CONSTRUCTION TECHNOLOGY AND EQUIPMENT.

Tên viết tắt: CONINCO.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 44.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ Đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam	1.122.000	11.220.000.000	25,5%
Các cổ đông khác	3.278.000	32.780.000.000	74,5%
Tổng	4.400.000	44.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 4, phố Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lao động bình quân năm 2016: 982 người.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sửa chữa máy móc, thiết bị
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Sản xuất các cấu kiện kim loại
- Giáo dục nghề nghiệp
(Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)
- Sản xuất máy thông dụng khác
Chi tiết: Sản xuất tủ lạnh hoặc thiết bị làm lạnh công nghiệp, bao gồm dây chuyền và linh kiện chủ yếu
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng
Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dung trong mạch điện)
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng
- Sửa chữa thiết bị điện
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa
- Đại lý môi giới, đấu giá
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa (không hoạt động môi giới, đấu giá)

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
Thị công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật.
Thực hiện đầu tư công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, vệ sinh môi trường cụm dân cư;
Tổng thầu EPC và tổng thầu xây dựng công trình theo hình thức “Chìa khóa trao tay”;
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm công nghệ, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu
Đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ xây dựng và vật liệu xây dựng; thiết kế, khám nghiệm sửa chữa phục hồi bảo hành máy xây dựng, thiết bị công nghệ (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
Kinh doanh dịch vụ bất động sản (không hoạt động môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
- Cho thuê máy móc, thiết bị phục vụ các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, giao thông, vận tải, xây dựng
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, chế tạo thiết bị dây chuyền công nghiệp
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm
Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng ô tô theo hợp đồng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác
Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Điều hành tua du lịch
Kinh doanh Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
Kinh doanh khách sạn, dịch vụ lưu trú
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
Kinh doanh nhà hàng, quán ăn; Dịch vụ ăn uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác
Thăm dò và khai thác mỏ;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng
Trồng rừng, phát triển cây công nghiệp, cây lâu năm
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật
Chứng nhận chất lượng hợp chuẩn cho sản phẩm hàng hóa xây dựng;
Tư vấn xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng công trình xây dựng và Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO cho các tổ chức;
Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, quan trắc tác động của môi trường tới chất lượng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng đô thị, nông thôn;
Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng;

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác

Chi tiết:

Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;

Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như :

Thang máy, cầu thang tự động; Các loại cửa tự động; Hệ thống đèn chiếu sáng; Hệ thống hút bụi; Hệ thống âm thanh; Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;

- Hoàn thiện công trình xây dựng
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Chi tiết

Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ điện công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Giám sát thi công xây dựng: lắp đặt thiết bị công nghệ mạng điện tử - viễn thông công trình xây dựng; Thiết kế mạng điện tử - viễn thông công trình xây dựng; Giám sát công tác khảo sát xây dựng; Khảo sát địa chất công trình; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội ngoại thất công trình; Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình hạng 1; Kiểm định chất lượng: công trình xây dựng, trang thiết bị nội thất cho công trình, máy xây dựng, thiết bị công nghệ, phương tiện vận tải, môi trường, xác định nguyên nhân hư hỏng và lập phương án sửa chữa, đánh giá giá trị còn lại của các sản phẩm trên; Quản lý dự án, giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị các công trình xây dựng; Lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu: xây lắp, lắp đặt thiết bị, mua sắm hàng hoá, tuyển chọn tư vấn; thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư nước ngoài; Thẩm tra dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán, quyết toán các công trình xây dựng; Khảo sát, thiết kế quy hoạch chi tiết và thiết kế các công trình xây dựng;

Lập dự án đầu tư xây dựng các công trình xây dựng (bao gồm dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước và môi trường); Thiết kế kết cấu các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế xây dựng công trình cấp thoát nước; Thiết kế lắp đặt thiết bị công trình và lắp đặt thiết bị công nghệ cơ khí công trình xây dựng; Thiết kế hệ thống mạng thông tin liên lạc công trình xây dựng; Thiết kế tổng mặt bằng công trình; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và lắp đặt thiết bị công nghệ cấp thoát nước công trình dân dụng, công nghiệp; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ cơ khí công trình xây dựng; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị cơ điện công trình dân dụng, công nghiệp; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ cơ khí công trình công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng công trình: giao thông, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp & hạ tầng kỹ thuật; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ mạng thông tin - liên lạc công trình xây dựng; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ hệ thống thông gió, điều hòa không khí công trình xây dựng;

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2016 là tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị dự án.

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2016, Công ty có các công ty liên doanh, liên kết như sau:

STT	Công ty liên doanh, liên kết	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
1	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Cơ điện CONINCO	Buôn bán và bảo trì thang máy	38%	38%
2	Công ty CP CONINCO Máy Xây dựng và Công trình CN	Tư vấn xây dựng	25%	25%
3	Công ty Cổ phần CONINCO CN XD và Môi trường	Tư vấn xây dựng	25%	25%
4	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Quản lý XD Miền Nam	Tư vấn xây dựng	25%	25%
5	Công ty Cổ phần CONINCO Quản lý Dự án và Đầu tư	Tư vấn xây dựng	29%	29%
6	Công ty Cổ phần CONINCO 3C	Tư vấn xây dựng	29%	29%
7	Công ty CP Coninco Đầu tư PTHH và Tư vấn Xây dựng	Tư vấn xây dựng	36%	36%

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Năm 2016</u> <u>(số năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 12
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa;) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh là cung cấp dịch vụ tư vấn giám sát thi công và một bộ phận địa lý là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	3.520.477.633	14.966.717.723
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	41.452.445.742	23.573.486.942
Tổng	44.972.923.375	38.540.204.665

5.2 Đầu tư tài chính

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	50.254.073.328	50.254.073.328	34.120.440.262	34.120.440.262
Tổng	50.254.073.328	50.254.073.328	34.120.440.262	34.120.440.262

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	43.681.727.657	37.581.089.002
Ban quản lý Dự án huyện Quế Võ	403.000.000	403.000.000
Công ty TNHH NN MTV Kim Khí Thăng Long	1.128.000.000	1.128.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	3.198.907.871	1.368.432.636
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng Thành Đô	1.201.000.000	-
Tập đoàn Viễn thông Quân đội	1.268.116.108	-
Các đối tượng khác	36.482.703.678	34.681.656.366
<i>Trong đó: Phải thu các bên liên quan</i>	-	140.113.000
Công ty Cổ phần CONINCO	-	90.113.000
Máy Xây dựng và Công trình Công nghiệp	-	50.000.000
Công ty Cổ phần CONINCO - Thăng Long	-	-
Tổng	43.681.727.657	37.581.089.002

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	9.466.169.591	5.051.839.834
Cục viễn thông	2.048.750.727	1.427.762.818
Văn phòng đại diện AF-Consult Switzerland Ltd tại Hà Nội	-	1.126.598.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sao Vàng	3.878.955.850	1.965.365.850
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	3.031.768.401	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	506.694.613	532.113.166
Tổng	9.466.169.591	5.051.839.834

5.5 Phải thu khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	113.923.351.587		101.046.980.927	
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	5.683.481.775	-	2.393.058.210	-
Tạm ứng (*)	77.594.450.370	-	59.061.035.164	-
Phải thu khác	30.645.419.442	-	39.592.887.553	-
<i>Phải thu khác-tiền điện</i>	<i>132.516.200</i>	-	<i>113.342.300</i>	-
<i>Phải thu khác-tiền điện thoại</i>	<i>56.777.484</i>	-	<i>26.958.584</i>	-
<i>Phải thu khác-tiền BHXH, BHYT, KPCĐ</i>	<i>1.133.444.196</i>	-	<i>668.720.190</i>	-
<i>Phải thu khác-tiền Photocopy, In ấn tài liệu</i>	<i>378.070.195</i>	-	<i>330.647.395</i>	-
<i>Phải thu khác-khấu hao TSCĐ</i>	<i>423.415.778</i>	-	<i>396.517.478</i>	-
<i>Tiền ứng cho đoàn tư vấn giám sát và quản lý dự án các công trình (**)</i>	<i>25.656.926.383</i>	-	<i>20.733.781.886</i>	-
<i>Phải thu khác</i>	<i>2.864.269.206</i>	-	<i>17.322.919.720</i>	-
Tổng	113.923.351.587	-	101.046.980.927	-

(*): Chi tiết tạm ứng:

Nội dung	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Đoàn tư vấn giám sát và quản lý các Dự án của Ban QLDA Đầu tư Xây dựng Nhà Quốc hội và Hội trường Ba Đình	20.123.248.567	20.665.573.962
Đoàn tư vấn giám sát và quản lý các công trình của Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	4.100.068.500	7.890.150.000
Đoàn tư vấn giám sát và quản lý các công trình của Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	4.942.185.021	6.192.208.000
Các đối tượng (chiếm dưới 10% tổng số tiền tạm ứng)	48.428.948.282	24.313.103.202
Tổng	77.594.450.370	59.061.035.164

(**): Chi tiết tiền ứng cho đoàn tư vấn giám sát và quản lý các công trình:

Nội dung	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Dự án 239/05- Bộ Công An	4.685.113.255	4.685.113.255
Dự án Nhà máy Xi măng Hà Tiên 1	-	5.176.791.366
Các đối tượng khác (chiếm dưới 10% tổng số tiền tạm ứng thi công)	20.971.813.128	10.871.877.265
Tổng	25.656.926.383	20.733.781.886

5.6 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	510.675.278	-	-	-
<i>Trong đó:</i>				
	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Công ty Cổ phần Xi măng Mai Sơn				285.775.278
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bất động sản LANMAK				224.900.000
Tổng				510.675.278

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	240.000		240.000	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	45.914.330.654	-	49.467.243.368	-
Tổng	45.914.570.654	-	49.467.483.368	-

Chi tiết sản xuất, kinh doanh dở dang theo từng công trình:

	31/12/2016
	VND
Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	3.745.186.897
BQLDA Đầu tư Xây dựng Nhà Quốc hội và Hội trường Ba Đình	3.810.156.839
Dự án 239/05 - Bộ Công An	2.730.595.376
Văn phòng Đại diện AF-Consult Switzerland Ltd tại Hà Nội	1.073.300.584
Công ty TNHH Thăng Long	1.381.823.584
Các công trình khác	33.173.267.374
Tổng	45.914.330.654

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2016	16.600.121.593	11.900.587.194	9.139.180.610	5.149.830.311	42.789.719.708
Tăng trong năm	-	249.220.000	4.086.302.909	218.681.818	4.554.204.727
Mua trong năm	-	249.220.000	4.086.302.909	218.681.818	4.554.204.727
Giảm trong năm	-	-	1.528.175.115	-	1.528.175.115
Thanh lý, nhượng bán			1.528.175.115		1.528.175.115
Số dư tại 31/12/2016	16.600.121.593	12.149.807.194	11.697.308.404	5.368.512.129	45.815.749.320
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2016	7.069.673.186	11.427.664.025	5.434.956.565	3.897.173.629	27.829.467.405
Tăng trong năm	938.448.805	190.112.333	1.559.577.730	570.362.518	3.258.501.386
Khấu hao trong năm	938.448.805	190.112.333	1.559.577.730	570.362.518	3.258.501.386
Giảm trong năm	-	-	1.142.249.660	-	1.142.249.660
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.142.249.660	-	1.142.249.660
Số dư tại 31/12/2016	8.008.121.991	11.617.776.358	5.852.284.635	4.467.536.147	29.945.719.131
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2016	9.530.448.407	472.923.169	3.704.224.045	1.252.656.682	14.960.252.303
Tại 31/12/2016	8.591.999.602	532.030.836	5.845.023.769	900.975.982	15.870.030.189

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 với giá trị là 17.225.212.176 VND (tại ngày 31/12/2015: 13.970.445.703 VND).

5.9 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Thương hiệu CONINCO	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2016	1.150.000.000	678.728.180	1.828.728.180
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	1.150.000.000	678.728.180	1.828.728.180
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2016		678.728.179	678.728.179
Tăng trong năm	-	1	1
Khấu hao trong năm	-	1	1
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	-	678.728.180	678.728.180
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2016	1.150.000.000	1	1.150.000.001
Tại 31/12/2016	1.150.000.000	-	1.150.000.000

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016 VND		01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	17.056.196.848	17.056.196.848	16.916.000.000	16.916.000.000
Đầu tư xây dựng Dự án Khu văn phòng, nhà ở và dịch vụ công cộng Xuân Phương Garden	17.056.196.848	17.056.196.848	16.916.000.000	16.916.000.000
Tổng	17.056.196.848	17.056.196.848	16.916.000.000	16.916.000.000

5.11 Chi phí trả trước

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn	96.493.424	366.862.939
Chi phí chờ phân bổ cho các công trình	96.493.424	366.862.939
b) Dài hạn	8.386.498.420	11.509.431.243
Chi phí và công cụ dụng cụ chờ phân bổ	5.320.048.070	2.405.454.545
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	3.066.450.350	9.103.976.698
Tổng	8.482.991.844	11.876.294.182

CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.12 Đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	6.770.000.000	5.093.014.775	(1.676.985.225)	7.395.000.000	7.395.000.000	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Cơ điện CONINCO	2.280.000.000	603.014.775	(1.676.985.225)	2.280.000.000	2.280.000.000	-
Công ty CP CONINCO Máy Xây dựng và Công trình Công nghiệp	1.050.000.000	1.050.000.000	-	1.050.000.000	1.050.000.000	-
Công ty Cổ phần TEXO Tư vấn và Đầu tư	-	-	-	625.000.000	625.000.000	-
Công ty Cổ phần CONINCO Công nghệ Xây dựng và Môi trường (*)	750.000.000	750.000.000	-	750.000.000	750.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Quản lý Xây dựng Miền Nam	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000	500.000.000	-
Công ty Cổ phần CONINCO Quản lý Dự án và Đầu tư	750.000.000	750.000.000	-	750.000.000	750.000.000	-
Công ty Cổ phần CONINCO 3C	720.000.000	720.000.000	-	720.000.000	720.000.000	-
Công ty Cổ phần Coninco Đầu tư PTH và Tư vấn Xây dựng	720.000.000	720.000.000	-	720.000.000	720.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	11.364.008.000	11.364.008.000	-	950.000.000	950.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Đầu tư Xây dựng Hưng Thịnh	200.000.000	200.000.000	-	200.000.000	200.000.000	-
Công ty LILAMA LAND	375.000.000	375.000.000	-	750.000.000	750.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	10.789.008.000	10.789.008.000	-	-	-	-
Tổng	18.134.008.000	16.457.022.775	(1.676.985.225)	8.345.000.000	8.345.000.000	-

(*): Trong năm 2016, Công ty được chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng là: 10.000 cổ phiếu.

CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.12 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

STT	Tên công ty đầu tư	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ
1	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Cơ điện CONINCO	Số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Buôn bán và bảo trì thang máy	38%	38%
2	Công ty CP CONINCO Máy Xây dựng và Công trình CN	P516,518,520 và 522 toà nhà Coninco, Số 4, Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa thành phố Hà Nội	Tư vấn xây dựng	25%	25%
3	Công ty Cổ phần TEXO Tư vấn và Đầu tư	Tầng 6 Tòa Nhà Lạc Hồng Số 85 Lê Văn Lương, Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Tư vấn xây dựng	6%	6%
4	Công ty Cổ phần CONINCO CN XD và Môi trường	P408, 410 Toà nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Tư vấn xây dựng	25%	25%
5	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Quản lý XD Miền Nam	118 Lê Văn Thọ, phường 11, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh	Tư vấn xây dựng	25%	25%
6	Công ty Cổ phần CONINCO Quản lý Dự án và Đầu tư	P704 toà nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Tư vấn xây dựng	29%	29%
7	Công ty Cổ phần CONINCO 3C	P604 Toà nhà Coninco, Số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Tư vấn xây dựng	29%	29%
8	Công ty CP Coninco Đầu tư PHTT và Tư vấn xây dựng	Số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Tư vấn xây dựng	36%	36%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	3.577.601.885	3.577.601.885	10.019.008.115	10.019.008.115
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên I và Bedeschi	362.876.478	362.876.478	6.361.261.866	6.361.261.866
Phải trả các đối tượng khác	3.214.725.407	3.214.725.407	3.657.746.249	3.657.746.249
<u>Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan</u>	39.065.550	39.065.550	272.738.550	272.738.550
Công ty CP CONINCO Thương mại và Xây dựng Việt Nhật	-	-	235.840.000	235.840.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Cơ điện CONINCO	39.065.550	39.065.550	36.898.550	36.898.550
Tổng	3.577.601.885	3.577.601.885	10.019.008.115	10.019.008.115

5.14 Người mua trả tiền trước

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	93.221.425.650	94.075.736.196
BQLDA Khu vực	2.384.433.415	1.740.278.415
Các công trình Giao thông Vận tải	4.346.382.000	11.056.577.000
Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	-	742.384.000
Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - VINACOMIN	-	3.722.400.000
Công ty Cổ phần Địa ốc MB (MBLAND)	3.000.000.000	850.000.000
Ban quản lý Dự án Hạ tầng Tả Ngạn	3.190.250.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà Ga Quốc tế Đà Nẵng	2.119.000.000	-
Sở Y tế Lạng Sơn	1.963.630.000	-
Trung tâm Vệ tinh Quốc Gia	1.928.640.000	-
Ban Quản lý Dự án Y tế Trọng điểm	74.289.090.235	75.964.096.781
Người mua trả tiền trước khác	74.289.090.235	75.964.096.781
Tổng	93.221.425.650	94.075.736.196

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2016		Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2016	
	Phải trả	Phải thu			Phải thu	Phải trả
	Thuế giá trị gia tăng	1.087.434.460			-	28.709.267.384
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.313.544	-	2.989.231.128	3.540.711.027	523.166.355	-
Thuế thu nhập cá nhân	15.029.533	573.943.949	3.061.657.636	1.230.475.588	-	1.272.267.632
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	797.162.300	797.162.300	-	-
Các loại thuế khác	360.500.885	-	235.242.292	243.503.644	-	352.239.533
Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.047.828	-	254.103.464	259.151.292	-	-
Tổng	1.496.326.250	573.943.949	36.046.664.204	35.204.388.150	523.166.355	2.287.824.710

5.16 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn	124.234.327.440	125.262.693.618
Kinh phí công đoàn;	491.900.660	280.649.669
Bảo hiểm xã hội;	1.354.598	8.118.274
Chi phí phải trả theo nghiệm thu giao nhận khoản nội bộ	95.859.572.063	63.074.141.286
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả</i>	<i>5.911.810.111</i>	<i>12.623.842.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư</i>	<i>-</i>	<i>3.994.900.000</i>
<i>Khai thác Nhà Ga Quốc tế Đà Nẵng</i>	<i>170.103.500</i>	<i>3.190.000.000</i>
<i>Văn phòng Viện kiểm sát Nhân dân tối cao</i>	<i>-</i>	<i>3.290.000.000</i>
<i>Sở Y tế Lạng Sơn</i>	<i>2.120.739.000</i>	<i>3.404.231.000</i>
<i>Cục viễn thông</i>	<i>1.512.032.727</i>	<i>-</i>
<i>Chi phí phải trả theo nghiệm thu giao nhận khoản nội bộ khác</i>	<i>86.144.886.725</i>	<i>36.571.168.286</i>
Các khoản phải trả khác	27.881.500.119	61.899.784.389
Tổng	124.234.327.440	125.262.693.618

5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

Khoản mục	31/12/2016		Trong năm		Đơn vị tính: VND 01/01/2016	
	Giá trị	Khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Khả năng
		trả nợ				trả nợ
a) Vay ngắn hạn	5.372.094.180	5.372.094.180	6.710.000.000	2.887.954.500	1.550.048.680	1.550.048.680
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 3 - TP HCM (*)	5.372.094.180	5.372.094.180	4.710.000.000	887.954.500	1.550.048.680	1.550.048.680
Vay cá nhân	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
Tổng	5.372.094.180	5.372.094.180	6.710.000.000	2.887.954.500	1.550.048.680	1.550.048.680

(*): Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 3 - TP HCM, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay một năm kể từ thời điểm giải ngân.

CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.18 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2015	44.000.000.000	9.900.000.000	11.109.241.375	8.401.689.193	73.410.930.568
Tăng trong năm	-	-	3.479.780.577	9.586.764.157	13.066.544.734
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	9.586.764.157	9.586.764.157
Trích lập các quỹ	-	-	3.479.780.577	-	3.479.780.577
Giảm trong năm	-	-	-	8.924.082.105	8.924.082.105
Trích lập các quỹ	-	-	-	3.479.780.577	3.479.780.577
Chi cổ tức	-	-	-	4.644.301.528	4.644.301.528
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi 2015	-	-	-	800.000.000	800.000.000
Số dư tại 31/12/2015	44.000.000.000	9.900.000.000	14.589.021.952	9.064.371.245	77.553.393.197
Số dư tại 01/01/2016	44.000.000.000	9.900.000.000	14.589.021.952	9.064.371.245	77.553.393.197
Tăng trong năm	6.776.220.000	1.694.055.000	1.438.014.624	11.300.096.103	21.208.385.727
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	11.300.096.103	11.300.096.103
Trích lập các quỹ	-	-	1.438.014.624	-	1.438.014.624
Tăng vốn	6.776.220.000	1.694.055.000	-	-	8.470.275.000
Giảm trong năm	-	-	-	9.586.764.157	9.586.764.157
Chia trả cổ tức	-	-	-	4.840.000.000	4.840.000.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	3.946.764.157	3.946.764.157
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi 2016	-	-	-	800.000.000	800.000.000
Số dư tại 31/12/2016	50.776.220.000	11.594.055.000	16.027.036.576	10.777.703.191	89.175.014.767

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam	11.220.000.000	11.220.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	39.556.220.000	32.780.000.000
Tổng	50.776.220.000	44.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	44.000.000.000	44.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	6.776.220.000	
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	50.776.220.000	44.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.840.000.000	4.644.301.528

d. Cổ phiếu

	12/31/2016	1/1/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.400.000	4.400.000
Cổ phiếu phổ thông	4.400.000	4.400.000
Cổ phiếu quỹ		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

5.19 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng	57.301.091	111.234.454
Doanh thu cung cấp dịch vụ	332.826.481.973	263.388.774.518
Tổng	332.883.783.064	263.500.008.972
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	49.564.900	-
Giảm giá hàng bán	49.564.900	-
Doanh thu thuần	332.834.218.164	263.500.008.972

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.20 Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn bán hàng	52.129.240	56.224.952
Giá vốn cung cấp dịch vụ	283.899.646.185	214.729.961.930
Tổng	283.951.775.425	214.786.186.882

5.21 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.542.741.125	2.291.984.318
Cổ tức và lợi nhuận được chia	277.184.000	297.096.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.353.965	21.256.226
Doanh thu nhượng quyền thương mại	2.654.627.618	1.848.881.160
Tổng	5.481.906.708	4.459.217.704

5.22 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	157.500.000	39.404.998
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	1.676.985.225	-
Tổng	1.834.485.225	39.404.998

5.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	19.634.360.560	24.176.552.986
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	9.877.691.090	8.135.062.464
Chi phí khấu hao	700.778.233	502.451.060
Thuế, phí, lệ phí	801.162.300	774.693.740
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	510.675.278	-
Hoàn nhập dự phòng tiền lương phải trả	(1.150.000.000)	-
Chi phí khác bằng tiền	11.794.650.533	10.376.308.816
Tổng	42.169.317.994	43.965.069.066

5.24 Lợi nhuận khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập khác		
Thu tiền điện, nước, dịch vụ	576.427.070	878.854.915
Thuê văn phòng, sử dụng thiết bị các Trung tâm	1.193.073.850	731.302.750
Thu thanh lý tài sản cố định	322.727.273	-
Thu tiền từ tài trợ nghiên cứu theo tiêu chuẩn Việt Nam	560.037.060	-
Thu tiền photo, in ấn tài liệu	967.686.113	852.177.128
Thu nhập khác	1.114.723.876	1.149.155.791
Tổng	4.734.675.242	3.611.490.584
Chi phí khác		
Tiền phạt thuế	419.865.782	247.155.199
Giá trị còn lại tài sản cố định	385.925.455	-
Chi phí khác	103.002	11.750.342
Tổng	805.894.239	258.905.541
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	3.928.781.003	3.352.585.043

5.25 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	14.289.327.231	12.521.150.773
Điều chỉnh tăng (chi phí không được trừ)	747.241.352	273.989.389
Điều chỉnh giảm (cổ tức được chia)	277.184.000	297.096.000
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	14.759.384.583	12.498.044.162
Thuế suất	20%	22%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.951.876.917	2.749.569.716
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành	37.354.211	184.816.900
Tổng	2.989.231.128	2.934.386.616
	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.951.876.917	2.749.569.716
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	37.354.211	184.816.900
Tổng	2.989.231.128	2.934.386.616

5.26 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.300.096.103	9.586.764.157
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	800.000.000	800.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.500.096.103	8.786.764.157
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.400.000	4.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.386	1.997

(*): Công ty đã tính toán lại lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2015 theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 là 1.997 đồng/cổ phiếu (lãi cơ bản trên Báo cáo tài chính năm 2015 đã phát hành là 2.179 đồng/cổ phiếu).

5.27 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu	36.135.423.236	22.214.342.600
Chi phí nhân công	193.755.467.986	157.950.731.584
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.258.501.386	2.291.098.569
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.132.328.960	4.503.862.854
Chi phí khác bằng tiền	91.645.266.090	72.069.780.880
Tổng	326.926.987.658	259.029.816.487

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Lương và thu nhập khác	6.548.495.107	4.286.656.355

Giao dịch với bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Công ty Cổ phần CONINCO Máy Xây dựng và Công trình Công nghiệp	Tiền thuê văn phòng	593.560.067	228.364.200
	Phí nhượng quyền thương hiệu	435.750.588	330.443.070
	Nhận cổ tức	52.500.000	-
	Dịch vụ khác	146.560.449	-
Công ty Cổ phần Coninco Đầu tư PTHT và Tư vấn xây dựng	Tiền thuê văn phòng	184.136.220	106.901.100
	Phí nhượng quyền thương hiệu	709.045.454	181.818.181
	Dịch vụ khác	54.629.652	-
	Tiền thuê văn phòng	-	65.196.363
Công ty Cổ phần CONINCO 3C	Phí nhượng quyền thương hiệu	514.830.000	332.750.909
	Nhận cổ tức	72.000.000	79.200.000
	Dịch vụ khác	8.818.182	-
	Phí nhượng quyền thương hiệu	491.032.364	430.939.909
Công ty CP CONINCO Công nghệ Xây dựng và Môi trường	Nhận cổ tức	71.170.000	82.500.000
	Bán hàng hóa	-	5.600.000
	Phí nhượng quyền thương hiệu	-	181.818.182
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Quản lý Xây dựng Miền Nam	Tiền thuê văn phòng	185.727.187	294.748.800
	Phí nhượng quyền thương hiệu	503.969.212	347.474.545
	Dịch vụ khác	75.024.794	37.393.200
Công ty Cổ phần Kỹ thuật cơ điện CONINCO	Tiền thuê văn phòng	208.685.206	44.939.838
	Thanh lý TSCD	-	21.000.000
	Dịch vụ khác	28.723.313	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Đầu tư Xây dựng Hưng Thịnh	Tiền thuê văn phòng	-	8.698.560
	Nhận cổ tức	19.014.000	16.146.000
Công ty Cổ phần TEXO Tư vấn và Đầu tư	Nhận cổ tức	62.500.000	56.250.000

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam	Tiền góp vốn	11.220.000.000	11.220.000.000

6.2 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc của Công ty gồm có các khoản công nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.972.923.375	38.540.204.665
Phải thu khách hàng và phải thu khác	157.605.079.244	138.628.069.929
Đầu tư ngắn hạn	50.254.073.328	34.120.440.262
Đầu tư dài hạn	16.457.022.775	8.345.000.000
Tổng	269.289.098.722	219.633.714.856
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	5.372.094.180	1.550.048.680
Phải trả người bán và phải trả khác	127.811.929.325	135.281.701.733
Tổng	133.184.023.505	136.831.750.413

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ, do đó Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng sau đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phát sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dự trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày dòng tiền của các khoản gốc.

31/12/2016	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	5.372.094.180	-	5.372.094.180
Phải trả người bán và phải trả khác	127.811.929.325	-	127.811.929.325
01/01/2016	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	1.550.048.680	-	1.550.048.680
Phải trả người bán và phải trả khác	135.281.701.733	-	135.281.701.733

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phát sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phát sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

31/12/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.972.923.375	-	44.972.923.375
Phải thu khách hàng và phải thu khác	157.605.079.244	-	157.605.079.244
Đầu tư ngắn hạn	50.254.073.328	-	50.254.073.328
Đầu tư dài hạn	16.457.022.775	-	16.457.022.775
01/01/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.540.204.665	-	38.540.204.665
Phải thu khách hàng và phải thu khác	138.628.069.929	-	138.628.069.929
Đầu tư ngắn hạn	34.120.440.262	-	34.120.440.262
Đầu tư dài hạn	8.345.000.000	-	8.345.000.000

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Người lập



Lưu Thị Mai Hiền

Kế toán trưởng



Lê Xuân Tường

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Công

